

HKSSF All Hong Kong Inter-Primary School Squash Competition 2018-2019

Division : Girls B Grade (女子乙組)
Date : 2018/12/01, 2018/12/02, 2018/12/08
Venue : Hong Kong Squash Centre (No.23 Cotton Tree Drive, Hong Kong)
 香港壁球中心 (香港金鐘紅棉路23號)

Main Draw 主要賽事

| Round 1 | Round 2 | Quarter-Finals | Semi-Finals | Final |
|---|---|--|--|---|
| Ho Wing Kai 何咏珈 (沙官小)(1) -- | Ho Wing Kai 何咏珈 (沙官小)(1) 2018-12-02 / 12:20 / Crt 9 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 10 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 7 TBC | TBC |
| Lo Yan Kiu 盧恩喬 (救恩) 2018-12-01 / 16:40 / Crt 4 Chan Pak Sum 陳栢心 (聖約瑟) | | | | |
| Zheng Kayla Yixin 鄭亦欣 (弘立) 2018-12-01 / 16:40 / Crt 3 Wong Kwan Ting 黃筠婷 (浸聯) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 8 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 7 TBC | TBC |
| Leung Tsz Shan 梁子珊 (基福) 2018-12-01 / 16:40 / Crt 2 Chan Tsz Yau Erin 陳芷悠 (浸聯) (5/8) | | | | |
| Hau Venus 侯韻晴 (救恩) (5/8) Shum Chung Yan 沈頌恩 (聖約瑟) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 7 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 7 TBC | CHAMPION 2018-12-08 / 13:00 / Crt 8 |
| Leung Yin Hei 梁彥曦 (浸聯) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 8 Fung Hoi Ching 馮凱澄 (沙官小) | | | | |
| Tse Ka Wai Joanne 謝家瑋 (聖文德) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 7 Lo Cheuk Lam Cherlyn 羅焯琳 (救恩) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 11 Ong Zhe Sim 王澤心 (沙官小) (3/4) | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 7 TBC | TBC |
| -- Ong Zhe Sim 王澤心 (沙官小) (3/4) | | | | |
| Chung Yee Ling Elaine 鍾依伶 (浸聯) (3/4) -- | Chung Yee Ling Elaine 鍾依伶 (浸聯) (3/4) 2018-12-02 / 12:20 / Crt 10 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| Pun Wai Ying 潘慧盈 (聖約瑟) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 11 Lee Kit Ying 李潔盈 (基福) | | | | |
| Chan Ho Ching Mona 陳可晴 (高主教) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 10 Ho Ka Wing 何嘉穎 (救恩) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 5 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 11 TBC | 3/4 PLAYOFF 2018-12-08 / 12:00 / Crt 8 |
| Lau Yu Yan 劉愉恩 (博梁省德) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 5 Cheung Ka Man 張嘉敏 (基福) (5/8) | | | | |
| Tang Helen 鄧凱琳 (天水圍靈愛) (5/8) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 4 Ng Tak Ue 伍德妤 (嘉諾撒) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 4 TBC | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| Leung Cheuk Lam 梁卓琳 (嘉諾撒) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 3 Cheung Tsz Lam 張梓琳 (基福) | | | | |
| Ng Sze Wing 吳思穎 (浸聯) 2018-12-01 / 17:00 / Crt 2 Wong Yu 王汝 (嘉諾撒) | TBC 2018-12-02 / 12:20 / Crt 3 Cheung Tsz Ching 張芷晴 (基福) (2) | TBC 2018-12-02 / 15:20 / Crt 3 TBC | TBC 2018-12-08 / 10:00 / Crt 11 TBC | TBC |
| -- Cheung Tsz Ching 張芷晴 (基福) (2) | | | | |